

Nhà thơ của quê hương và bằng hữu

Trịnh Hoài Đức

Người Minh Hương đã ba đời ở Việt Nam, Trịnh Hoài Đức cùng với Lê Quang Định và Ngô Nhân Tịnh đều là học trò của Võ Trường Toản được người đồng thời gọi bằng biệt hiệu “*Gia Định tam gia* 嘉定三家”.

Tổ tiên ông là người huyện Trường Lạc, tỉnh Phước Kiến chạy loạn Mãn Thanh ở Trấn Biên (Biên Hoà). Ông tên tự là Chi Sơn, hiệu Cán Trai, sinh năm 1765, lớn lên không theo Tây Sơn nên khi Chúa Nguyễn mất Gia Định ông tránh loạn qua Cao Miên, về sau ra giúp Nguyễn Ánh (đỗ khoa thi đầu tiên ở Gia Định năm 1788). Khi Gia Long lên ngôi Trịnh Hoài Đức được phong làm Hộ Bộ Thượng thư cử sang sứ Trung Hoa (1802 - 1803) để cầu phong.

Sau khi đi sứ về, ông được cử làm việc ở Gia Định thành (1805). Từ năm 1812 ông giữ chức Lễ Bộ Thượng Thư rồi Lại Bộ Thượng Thư (1813 -

1816). Sau đó lại làm việc ở Gia Định¹ (1816 - 1820).

Minh Mạng lên ngôi (1820) ông được triệu về Huế giữ lại chức vụ Lại Bộ Thượng Thư, năm sau, 1821, được thăng lên Hiệp Biện Đại Học Sĩ coi cả hai bộ Lại và Binh.

Ông từ trần năm 1825.

Tác phẩm:

* *Gia Định thành thông chí* 嘉定城通誌².

* *Cán Trai thi tập* 艮齋詩集.

* *Gia Định tam gia tập* 嘉定三家集.

Cũng nên nhắc lại “*Gia Định tam gia tập*” gồm 6 phần trong 6 quyển:

Quyển I: Tinh dã chí

¹ Với chức vụ Hiệp Tổng Trấn (tức là Phụ Tá Tổng Trấn, Tổng Trấn lúc đó là Nguyễn Huỳnh Đức).

² “*Gia Định thành thông chí*” ngay khi người Pháp mới đến Việt Nam đã dịch ra tiếng Pháp. Bản dịch của G. Aubaret, xuất bản theo lệnh của Bộ Trưởng Hải quân và thuộc địa Chasseloup - Laubat (Imp. Impériale 1863) gồm 13 trang dẫn nhập 359 trang dịch, có cả bản đồ. Tuy nhiên Aubaret đã không dịch phần Thành Trì Chí 城池誌 là phần quan trọng của bộ sách, phần nói về thương mại, giao thông cũng như thành trì của Gia Định hồi đầu thế kỷ 19.

Quyển II: Sơn xuyên chí

Quyển III: Cương vực chí.

Quyển IV: Phong tục chí.

Quyển V: Sản vật chí.

Quyển VI: Thành trì chí.

Với bộ sách này, Trịnh Hoài Đức đã cho chúng ta biết được rất nhiều điều về đời sống, phong tục, di tích ở Gia Định cách đây gần 200 năm mà ngày nay hoặc đã mất, hoặc thay đổi nhiều.

Tư tưởng của Trịnh Hoài Đức nằm trong các tác phẩm¹ :

* “*Gia Định tam gia tập*” gồm những bài thơ của ông và của hai người bạn: Lê Quang Định và Ngô Nhân Tịnh (cũng đều là người Minh Hương).

¹ Ở đây chúng tôi nhắc lại lời đính chính của Ngạc Xuân, Ca Văn Thỉnh và Đông Hồ về một tác phẩm được gán cho Trịnh Hoài Đức: “*Minh Bật di ngư văn thảo*”. Sách này các tác giả “*Việt Nam sử lược*”, “*Văn Đàn Bảo Giám*”, “*Hợp tuyển văn thơ*” đều cho là của Trịnh Hoài Đức, thật ra Trịnh Hoài Đức chỉ có công cho khắc in lại sáng tác phẩm của Mạc Thiên Tích vốn từ lâu bị mai một mà thôi. Cũng như ông đã cho khắc in tập “*Gia Định tam gia thi* 嘉定三家詩” (tác phẩm của ông và những người bạn).

* “*Cán trai thi tập*” là quyển thơ gom góp những bài ông sáng tác trong khoảng 1782 - 1818. Tập này đã được khắc in; gần đây Sở Nghiên Cứu Tân Á, (thuộc Viện Nghiên Cứu Đông Nam Á) dưới sự điều khiển của Giáo Sư Trần Kinh Hòa, đã cho in lại. Theo đó, Cán Trai thi tập gồm 5 phần:

1. *Tựa và bạt* của tác giả và 3 người đồng triều: Nguyễn Địch Cát, Ngô Thời Vị, Cao Huy Dục.

2. *Thối thực truy biên tập* 退食追編集 : gồm 127 bài thơ sáng tác từ 1782 đến 1801.

3. *Quan Quang tập* 觀光集 : gồm 152 bài thơ sáng tác từ 1802 đến 1803 khi tác giả đi sứ¹.

4. *Khả dĩ tập* 可以集 : gồm 48 bài thơ và văn xuôi, sáng tác từ 1804 đến 1818.

5. *Tự truyện*: ghi về gia đình, hoạn lộ, cuộc đi sứ, và lý do ấn hành tập thơ này, đề năm thứ 18 đời Gia Long (1819).

Trong chiều hướng tìm hiểu văn học Nam Hà, chúng tôi chỉ nói về “*Thối thực truy biên tập*” và tìm hiểu tư tưởng của Trịnh Hoài Đức trong gia

¹ Ở Việt Nam các nhà viết văn học tách rời ra và cho rằng Trịnh Hoài Đức có “*Cán trai thi tập*” và “*Bắc sứ thi tập*”; thật ra “*Bắc sứ thi tập*” là “*Quan Quang tập*” và nằm trong “*Cán trai thi tập*”.

đoạn 1782 - 1801 mà thôi. Phần còn lại của tư tưởng ông, nếu có thể chúng tôi sẽ viết tiếp khi nói về văn học Nam Kỳ Lục tỉnh.

“*Thối thực truy biên tập*” gồm 127 bài thơ chia ra như sau:

- Ngũ ngôn tuyệt cú: 3 bài.
- Ngũ ngôn luật: 15 bài.
- Thất ngôn tuyệt cú: 10 bài.
- Thất ngôn luật: 99 bài.

Qua số thi phẩm Trịnh Hoài Đức sáng tác trước năm 1802 ta ghi nhận được phần nào con người của ông, một con người nhiều tình cảm:

- Yêu mến thiên nhiên, thân thuộc với sinh hoạt của đồng quê Việt Nam.

- Bộc lộ tình thương với nhân dân, với bạn hữu, với người chung quanh.

A. Trịnh Hoài Đức, người mô tả sinh hoạt thôn quê.

Mặc dầu là người Minh Hương, Trịnh Hoài Đức rất gắn bó với vùng đất Nam Hà nói riêng, đất nước Việt Nam nói chung, miền quê hương đã nuôi dưỡng ông.

Tình cảm của ông bộc lộ bằng nhiều bài thơ, trong đó nếp sống người dân miền thôn dã đã được quan sát tỷ mỉ và ghi nhận một cách tinh tế. Có thể

nói ông đã hòa đồng tâm hồn mình với sinh hoạt miền quê bởi vì nó yêu mến, có cảm thấy thân thuộc với những hoạt cảnh chung quanh mới ghi lại được những hình ảnh tế vi, những công việc tầm thường, không tên của người dân vùng rẫy bãi. Trong thơ ông, người đọc gần như không thấy cảnh mùa thu bên Trung Quốc, cảnh tuyết rơi, cảnh liễu rủ những cảnh nhà thơ không thấy mà tả, trái lại thơ ông là một bức ảnh chụp đời sống, công việc của đồng quê với những cố gắng tranh thủ cùng thiên nhiên để tự tồn của những người dân đi khai phá vùng đất mới.

Bài thơ “*Chu thổ sử vân*” ông ghi lại cảnh tận lực của người dân trong việc phá rừng, tưới nước, cày bừa để khai thác vùng đất hoang phế mà những người trước ở đây đã không biết tận dụng:

Nguyên văn:

鎮邊朱土海之陬
破曉鋤雲牧子儔
赤縣昏霾犁殆盡
黑墟蕪穢闢將周
雨饒山澗晨開堰
草裕春堤晚放牛
萬頃胭霞收拾足

歸來初月荷肩頭

Phiên Âm:

*Trần Biên chu thổ hải chi tư?
Phá hiếu sừ vân mục tử trừ.
Xích huyện hôn mai lê đãi tận,
Hắc lô vu uestịch tương chu.
Vũ nhiêu sơn giản thân khai yển.
Thảo dụ xuân đê vãn phóng ngư.
Vạn khoảnh yên hà thu thập túc,
Qui lai sơ nguyệt hạ kiên đầu.
(Chu thổ sừ vân)*

Tạm dịch:

*Nơi Trần Biên có miền đất đỏ.
Liên biển xanh một dải mênh mông.
Trời hôm vừa lóe rạng đông,
Từng đàn lũ lợt ra công dựng làng.
Gần đô thị cây hoang phá rạp,
Đất đen xì vỡ nát dưới tay.
Nhờ mưa khe núi nước đầy,
Sáng đi tháo đập nuôi cây tốt vườn.
Mùa xuân tới bờ đê cỏ mượt,
Chiều trẻ con mặc sức chăn trâu.
Muôn vườn sương khói một màu.
Người người ra sức cùng nhau cấy cày.
Trăng non vừa gác mái tây,
Nông phu vác cuốc khoan thai đi về.
(Đất đỏ bừa trong mây)*

Trong thơ của Trịnh Hoài Đức ta còn thấy cả hoạt cảnh của nông thôn như nhóm chợ dưới bóng đa, tiểu phu ra quán mua rượu, nông phu đi xem bói, trai tráng giữ gìn làng xóm. Sản phẩm căn bản của miền quê như thịt thú rừng, tôm cá ... cũng được ông nói đến. Tất cả những chi tiết đó hợp lại trong một bài thơ Đường có thể làm mất thi vị phần nào nhưng bù lại bộc lộ được một tình yêu bao la, vô bờ của tác giả đối với miền đất ông đang sống, bởi vì chính những thứ đó đã tạo cho ông niềm rung cảm, ông yêu thích những sinh hoạt, những tình tiết mà người khác có thể bảo là tầm thường. Bài “*Ngư tân sơn thị*” được tạo bằng những yếu tố rất “tầm thường” đó:

Nguyễn Văn:

翠藹山屏障水鄉
榕陰蔽芾市塵涼
田禽獵獸充松肆
篋蜺罾魚滿竹坊
買酒樵歸酌店寂
占年農返卜亭荒
舟車幸免憂強盜
林藪英雄任職方

Phiên Âm:

Thúy ái sơn bình chương thủy hương,
Dung âm tế phé thị triền lương.
Điền cầm liệt thú sung Tùng tứ,
Tì hiện **tăng**¹ ngư mẫn Trúc phường.
Mãi tưu tiêu qui cô điểm tịch.
Chiêm niên nông phản bốc đình hoang.
Chu xa hạnh miễn ưu cường đạo,
Lâm tẩu anh hùng nhậm chức phương.
(Ngư tân sơn thị)

Tạm Dịch:

Sông xanh, núi biếc chắn bình phong,
Bóng mát cây đa, buổi chợ đông.
Săn bắn, chợ Tùng nhiều giống thú,
Đó đặng, phố trúc lắm cá sông.
Rượu xong tiêu lại, hàng thêm vắng,
Quả được nông về, miếu trống không.
Lui tới xe thuyền không sợ cướp,
Khắp nơi, hào kiệt đã đề phòng.
(Phiên chợ núi bến cá)
Hình Minh Đức dịch.

Tình cảm của ông đối với vùng quê nơi ông trú ngụ bộc lộ ở cả những chi tiết nhỏ nhặt của địa phương: Một cái chợ nhỏ, một cây cầu trong xóm, một con sông, một vọng gác, một ánh lửa chài. Ông yêu mến những thứ đó và cho rằng cuộc sống hiền

¹ Bản cũ, phần chữ Hán đánh chữ cổ 罾, sửa là tăng 罾 theo phần phiên âm thì mới thuận liên luật.

hòa, bình dị sung túc của dân địa phương có được nhờ sự cần mẫn làm việc: bài “*Mỹ Tho dạ vũ*”.

Nguyễn Văn:

美 湫 夜 雨 z

濯纓唱罷月沈西
灑浙湫江雨正淒
槐市潮堆榆莢串
棕橋雲擁石牛泥
光寒柳浦漁船火
聲濕梅城戍寨鞞
萬頃明朝呈合穎
桑林無事禱虔齋

Phiên Âm:

*Trạc anh xướng bãi nguyệt trâm tê,
Tiêu tích Tho giang vũ chính thê.
Hòe thị trào đôi du giáp quán,
Tông kiêu vân ứng thạch ngư nê.
Quang hàn liễu phó ngư thuyền hỏa,
Thanh thấp mai thành thú trại bê.
Vạn khoảnh minh triều trình hợp dĩnh,
Tang lâm vô sự đảo kiền tê.*

(*Mỹ Tho dạ vũ*)

Tạm dịch:

Hát khúc “trạc anh”⁽¹⁾, trăng gác tê.

Mưa đêm sông Mỹ, kéo lê thê.

Nước giăng Hòe thị, du thành đống.

Mây phủ Tông kiều, trâu⁽²⁾ bị che

Bến liễu, lửa chài soi bóng lạnh,

Thành mai, tiếng trống vọng tư bề.

Sáng mai, lúa trở tràn đồng ruộng,

Đâu phải Tang lâm⁽³⁾ đợi mưa về!

(Mưa đêm ở Mỹ Tho)

Huỳnh Minh Đức dịch

Tình cảm của Trịnh Hoài Đức với đồng quê, ruộng vườn, sinh hoạt của miền Nam còn bộc lộ trong nhiều bài thơ khác nằm ở tập “*Thối thực trụy biên*” xin trích ra đây 2 bài:

- Tọa vịnh về cảnh thôn quê ở Long Tịch.

- Mùa thu với người làm ruộng.

¹ Trạc anh: giặt giải mũ; Khuất Nguyên, bài ngư phủ từ có câu: “Thương Lang chi thủy thanh hề, khả dĩ trạc ngô anh” = nước sông Thương Lang trong ta có thể giặt giải mũ. Ở đây có lẽ dân chúng hát một bài ca tụng cảnh đẹp của sông ở Mỹ Tho.

² Trâu: con trâu đá, xưa bên Trung Quốc cầu đá, chân thường được đẽo hình con trâu. Đây có nghĩa chân cầu.

³ Tang Lâm: Vua Thành Thang nhà Thương cầu đảo ở rừng Tang lâm khi nước nhà bị hạn hán.

Nguyễn Văn:

I.

學童霜履虹橋去
釣叟烟凌水滸歌
村落生捱勤少婦
簷前邀月揀棉花

II.

地枕晨昏南北市
門迎潮汐去來舟
夜深風過花窗下
嘈贊書聲傍水流

龍席村居雜咏

Phiên Âm:

*I. Học đồng sương lý hồng kiều khứ,
Điếu tâu yên lãng thủy hử ca.
Thôn lạc sinh nhai cần thiếu phụ,
Thiền tiền yêu nguyệt giản miên hoa.

*II. Địa chẩm thân hôn Nam Bắc thị,
Môn nghinh triều tịch khứ lai chu.
Dạ thâm phong quá hoa song hạ.
Tào tán thư thanh bạng thủy lưu.*

(Long Tịch thôn cư tạp vịnh)

Tạm Dịch:

I. Cầu vòng, trò nhỏ trong sương sớm.

Ông lão buông cần cất tiếng ca.

Lặn lội thân cò người thiếu phụ,

Ngồi trông trước cửa nhật cành hoa.

II. Bắc Nam, phiên chợ khi hôm sớm,

Xuôi ngược, ghe thuyền nước thủy triều.

Gió thổi cửa hoa, đêm sắp sáng.

Rì rào đọc sách, nước trôi nhiều.

(Tạp vịnh về cảnh thôn quê ở Long

Tịch)

Nguyên Văn:

田家秋雨

禾稻離離草樹秋

田家三五曲江流

耳生黍黑聲偏細

雨足苔黃滑未收

破塊寒催畦畔雁

霑坭淨洗隴頭牛

攜壺擬慶豐年澤

簞笠農夫訪酒舟

Phiên Âm:

*Hòa đạo ly ly thảo thụ thu,
Điền gia tam ngũ khúc giang lưu.
Nhĩ sinh thử hắc thanh thiên tế,
Vũ túc đài hoàng hoạt vị thu.
Phá khối hàn thồi huê bạn nhận,
Triêm nê tịnh tẩy lũng đầu ngư.
Huê hồ nghĩ khánh phong niên trạch,
Toa Lạp nông phu phóng tửu chu.
(Điền gia thu vũ)*

Tạm Dịch:

*Cỏ cây hiu hắt, lúa đòng đòng,
Đáy đó dăm nhà dọc bến sông.
Mưa nhẹ, lúa đen chùng nảy nhánh,
Mưa dầm, rong ướt, độ vàng đồng.
Nhận nắp võ đê, tràn tung cánh.
Trâu nằm ghenh ướt, ngập cánh đồng.
Được mùa ta quẩy theo bầu rượu,
Áo nón rượu ghe mấy bác nông.
(Mưa thu với người làm ruộng)*

Yêu mến, thân thuộc với sinh hoạt đồng quê vùng Gia Định để đem những hình tượng này vào thi phẩm mình, Trịnh Hoài Đức vẫn thấy chưa đủ, ông còn sống với những sinh hoạt đó, đi xa ông tưởng nhớ và muốn gặp lại, ông hình dung trong trí những phong cảnh nơi mình đã từng sống, từng thân thiết và tự hỏi ở quê nhà có ai thưởng thức các cảnh đẹp đó không.

Bài thơ “Mùa thu đất khách cảm tác” bộc lộ lòng nhớ nhung của ông khi sống ở đất “Biển Hồ”.

Nguyên văn:

秋日客中作

陶朱慣逐五湖遊
薤簞涼回不覺秋
蜂鼓胡群迎水起
雞銀唐賈換榔投
將蕪松菊空來月
正美蓴鱸尚繫舟
虛負家庄重九約
棉花狂絮亂撩愁

Phiên âm:

*Đào Chu quán trục Ngũ hồ du,
Giới đạn lương hồi bất giác thu.
Phong cổ Hồ quần nghinh thủy khởi.
Kê ngân Đường cổ hoán lang đầu,
Tương vu tùng cúc không lai nguyệt,
Chính mỹ thuần lô thượng hệ chu.
Hư phụ gia trang trùng cửu ước,
Miên hoa cuồng như loạn liêu sầu.
(Thu nhật khách trung tác)*

Tạm dịch:

*Đào Chu quen thói ngủ Hồ du,
Chiếu lạnh đêm nằm chẳng chờ thu.
Chiêng trống dân Hồ mê đón nước,
Trút tiền chú Khách đón mua cau.
Cúc từng hoang dại, trắng sông bóng,
Thuyền buộc lòng ai nhớ cá rau.
Trùng cứu hẹn rồi, lên đạo núi.
Hoa bay tản mạn, khiến ai sầu.
(Mùa thu đất khách cảm tác)*

B. Trịnh Hoài Đức, người bộc lộ tình cảm với thời thế, bạn bè.

Là người giàu tình cảm, yêu thích những hình ảnh nhỏ nhặt của thôn quê rầy rái, Trịnh Hoài Đức còn để lòng mình đi xa hơn: thơ ông bộc lộ lòng ưu ái với bạn bè, thời thế. Với bạn, khi phải chia tay ông bịn rịn, âu sầu; bạn đi, ông nhìn mọi vật dưới khía cạnh buồn thảm: chim liệng chập chờn, mây bay mờ mịt, và than thở không biết bao giờ gặp lại bạn.

Trong “*Thối thực truy biên tập*” những bài thơ tiễn bạn rất nhiều, xin trích ra đây bài “*Tiễn Ngô Nhữ Sơn đi Quảng Đông*”.

Nguyên văn:

送吳汝山之廣東：

惜別相酬酒慢斟
霸橋詩句不成吟
家貧母病吾多累
國亂鄉離汝遠臨
龍席差池飛燕羽
虎門寤寐暮雲心
太平慶會知何日
淚滴悲絲動古今

Phiên âm:

Trích biệt tương thù tửu mạn châm,

Bá kiều thi cú bất thành ngâm.

Gia bản, mẫu bệnh, ngô đa lũy,

Quốc loạn, hương ly, nhữ viễn lâm.

Long tịch si trì phi yến vũ,

Hổ môn ngô mị mộ vân tâm.

Thái bình khánh hội tri hà nhật,

Lệ thích bi ty động cổ câm.

(Tống Ngô Nhữ Sơn chi Quảng Đông)

Dịch thơ:

Thù tạc vơi đầy chén tiễn đưa;

Bá Kiều (¹) ngâm chẳng trọn vần thơ.

¹ Cầu ở phía đông huyện Trường An, tỉnh Thiểm Tây, bắc ngang sông Bá Thủy, người xưa phần nhiều tiễn biệt ở đó.

*Nhà nghèo, mẹ bệnh, tôi nhiều lụy,
Nước loạn, quê lìa, bạn lánh xa.
Long Tịch (¹) xập xòe chim én liệng,
Hổ Môn (²) thức ngủ ánh mây mơ.
Bao giờ mở hội thanh bình nhỉ?
Lệ nhỏ, ngàn xưa nào tiếng tơ.
(Tiễn Ngô Nhữ Sơn đi Quảng Đông)*

Bài thơ trên còn bộc lộ tình yêu quê hương và mối cảm khái của ông đối với thời thế, ông than thở vì mình phải lìa xa quê mẹ và buồn bã vì chinh chiến kéo dài (*Thái bình khách hội tri hà nhật!*).

Trong bài “Thương loạn” nỗi đau buồn của ông khi chứng kiến cảnh loạn ly còn nhiều hơn nữa. Ông khóc vì sự khổ ải của dân chúng, vì cảnh chết chóc tràn đầy mọi nơi, vì thảm trạng thê lương giải bày trước mắt. Ông trách trời cao đã không nhìn thấy những hình ảnh đó.

Giọng văn ông bi thiết, oán trách tỏ mối cảm hoài rất sâu đậm, tình cảm bộc lộ vì chứng kiến sự đốn đau của người chung trong thơ Trịnh Hoài Đức thật bao la:

Nguyên văn:

儻亂：

¹ Tên thôn của tác giả.

² Cửa bể ở Quảng Đông.

回首京華淚暗垂
生民荼毒市朝移
柳營雨急將星墜
花縣春荒戰馬馳
飽食鴉鴉郊噪喜
無依燐鬼夜啼悲
江流半是英雄血
真宰冥冥知不知

Phiên âm:

*Hồi thủ kinh hoa lệ ám thùy,
Sinh dân đồ độc thị triều di.
Liễu doanh (¹) vũ cấp tướng tinh trụ,
Hoa huyện (²) xuân hoang chiến mã trì.
Bão thực nha nha giao táo hỉ,
Vô y lân quỷ dạ đề bi.
Giang lưu bán thị anh hùng huyết³,
Chân tế minh minh tri bất tri?
(Thương loạn)*

¹ Trại Tế Liễu, đời Hán, Chu Á Phu đi đánh Hung Nô, đóng quân ở Tế Liễu. Về sau, người ta dùng từ ngữ “Doanh Liễu” để chỉ trại quân.

² Đời Tấn, Phan Nhạc làm quan lệnh huyện Hòa Dương, khắp trồng nhiều đào, lý, vì thế gọi là Hoa huyện.

³

Tạm dịch:

*Kinh sư nhòa lệ ngoảnh đầu trông,
Triều chợ, sinh linh cảnh hãi hùng.
Doanh Liễu mưa mau, sao tướng rụng.
Huyện Hoa xuân vắng, chiến câu giông,
No nê đàn quạ kêu mừng rờ,
Vát vường ma trời hú não nùng.
Pha máu anh hùng, sông một nửa;
Trời cao mờ mịt biết hay không ?
(Cảm thương cảnh loạn lạc)
(Nguyễn Khuê dịch)*

Tình cảm bộc lộ với bạn bè, với thời thế trong thơ của Trịnh Hoài Đức có thể đặc trưng trong hai bài khóc Võ Tánh và Ngô Tùng Châu.

Hai bài rất hay, dễ gây cảm xúc cho người đọc, đồng thời biểu hiện được khí tiết anh dũng của những người chết theo thành Bình Định. Nếu Đặng Đức Siêu thành công với bài văn tế nhờ lời văn bi thiết thì Trịnh Hoài Đức cũng rất đáng được lưu ý nhờ ông trình bày được thái độ ung dung, điềm tĩnh trước cái chết (*hỏa đồng tâm cộng xích, bồi tửu tùng dung*) của hai vị tướng cùng chết theo thành.

Hai bài thơ còn ca tụng Võ Tánh, Ngô Tùng Châu, coi những vị này như những người có công lớn với quốc gia, đáng được miếu đường tế tự:

Nguyên văn:

三載身經百戰中
城孤糧絕困英雄
突圍不忍心為席
報國惟知我匪躬
八角火同心共赤
千秋名與日爭紅
他年擬做雲苔畫
相將應推第一功

**

平生所學已收功
杯酒從容節慨雄
一死為仁酬帝卷
千秋南越振文風
妖氛辟易寒西賊
義氣昭回並武公
從此知鄉多有後
綿綿祭祀國家同

Phiên âm:

1. Tam tải thân kinh bách chiến trung,

*Thành cô lương tuyệt khôn anh hùng,
Đột vi bất nhân nhân vi tịch.
Báo quốc duy tri ngã phỉ cung.
Bát giác hỏa đồng tâm cộng xích,
Thiên thu danh dĩ nhật trang hồng,
Tha niên nghĩ phỏng vân đài hoạ.
Tướng tướng ưng suy đệ nhất công.*

*II. Bình sinh sở học dĩ thu công
Bồi tửu tùng dung tiết khái hùng.
Nhứt tử Qui Nhơn thù đế quyền,
Thiên thu Nam Việt chấn văn phong.
Yên phân (w¹) tích dịch hàn Tây tặc.
Nghĩa khí chiêu hồi tịnh Võ công.
Tùng thử tri khanh đa hữu hậu,
Miên miên tế tự quốc gia đồng (2).*

¹ Bản in do Southeast Asia studies section, New Asia Research Institute, xuất bản năm 1962 tại Hương Cảng đề là “Yêu Khí” như vậy vừa thất niêm vừa trùng với chữ “Nghĩa khí” ở câu dưới. Ở đây chúng tôi theo bản khắc cũ hiện tàng trữ tại Viện Khảo Cổ.

² Hai bài này trong nguyên bản không thấy đề tựa, chỉ có đoạn văn của tác giả, xin dịch ra đây để góp một phần sử liệu về việc thành Bình Định:

Tháng tư năm Kỷ Vị quân vua chiêu hàng thành Qui Nhơn, sai Chương Hậu quân Bình Tây Tham Thừa Tướng Quân Quận công Võ Tánh, Lễ Bộ Chánh Hầu Ngô Tùng Châu trấn giữ tháng mười hai. Ngụy tướng Nguyễn Diệu (Trần Quang Diệu) đem đại binh vây hãm tháng tư năm Canh Thân. Quân

Dịch thơ:

*Trăm trận ba năm ở giữa vòng,
Thành cô, lương hết, khôn anh hùng.
Phá vây chẳng nở đem người thí,
Báo quốc riêng bền giữ dạ trung.
Bát giác lòng son cùng lửa đỏ,
Thiên thu danh rạng sánh trời hồng.
Đài mây những nghĩ sau này họa,
Văn võ nên tôn đệ nhất công.*

*Bình sinh sở học đã nên công,
Chén rượu ung dung, tiết tháo hùng.
Một chết Qui Nhơn đền nghĩa Chúa,*

vua cứu viện, chưa giải vây được, mùa hạ năm Tân Dậu ngự giá thừa hư tiến chiếm Phú Xuân, lại ra lệnh sai Khâm Sai Chương Tả quân Bình Tây Tướng quân Quận Công Lê Văn Duyệt tiến đóng Quảng Ngãi, đánh sau lưng giặc. Tôi phụng mệnh theo quân cấp phát lương hướng. Bấy giờ thành Qui Nhơn bị vây lâu, trong ngoài cách trở. Hai ông Võ và Ngô không nở phá vòng vây thoát thân, sợ tướng sĩ chết nhiều, mà trong thành những tướng sĩ đầu hàng cũng lăm phen mưu việc lạ, nhiều người ban đêm dùng dây xuống dưới thành để trốn, lại thêm trong thành lương hết; ngày hai mươi bảy tháng năm, ông Võ lên lầu bát giác tự thiêu trước, ông Ngô uống thuốc độc tử tiết, để lệnh cấm hủy quân dụng, toàn thành ngụ cầu sự sống cho ba quân. Tin buồn đến Quảng Nghĩa, mọi người đều thương xót. Tôi nhân khóc hai ông, làm thơ ghi tiết của hai bậc danh thần mà thôi, không phải dùng thơ để “kêu”.

*Nghìn Thu Nam Việt chấn văn phong.
Hơi tà lui sợ, run Tây tặc (1)
Khí nghĩa đời soi, sánh Võ Công (2)
Mới biết từ đây ông có hậu,
Phụng thờ mãi mãi với non sông (3)*

Chúng tôi không có tham vọng tìm hiểu căn kẽ con người của Trịnh Hoài Đức bộc lộ qua tất cả thơ văn của ông, chúng tôi chỉ xin ghi lại một vài bài thơ có tính cách tiêu biểu. Tuy nhiên ta cũng nhận được tình cảm phong phú của tác giả với quê hương thứ hai của ông qua các bài thơ ghi lại những sinh hoạt của ruộng đồng Gia Định, với bạn bè, với thời cuộc.

Không phải con người của Trịnh Hoài Đức chỉ có bấy nhiêu, ông còn đáng cho ta chú ý vì có một nhân sinh quan cao đẹp: không cầu danh lợi “nhìn xem phú quý tựa chiêm bao”, chỉ thích thiên nhiên, thông dong không vướn bận. Bài thơ “*Từ điểm xuân du*” của ông bộc lộ đầy đủ đặc tính của người có khuynh hướng thoát trần.

¹ Quân Tây Sơn.

² Võ Tánh.

³ Nguyên chú: Ngô Tùng Châu không có con nối. Khi dẹp yên giặc, Võ Tánh được gia tăng Trung Hưng Đệ Nhất Công Thần Thái Úy Quốc Công, Ngô Tùng Châu được gia tăng Thái Tử Thái Sư Quốc Công, được tế vào mùa xuân và mùa thu, mỗi ông lại được ban tự điền, dân phu thủ mộ theo đẳng cấp khác nhau, ân trạch rất nhiều.

Nguyên văn:

酒店春遊：

乘興飄然縱玉蹤
東風相引向臨邛
青帘招飲垂新柳
翠蓋迎賓挺古松
春思無涯隨處樂
人生適意幾時逢
解闌為問纓塵客
五斗如何酒一鍾

Phiên âm:

*Thừa hứng phiêu nhiên túng ngọc tung,
Đông phong tương dẫn hướng lâm cung.
Thanh liêm chiêu ẩm thùy tân liễu,
Thúy cái nghênh tân đĩnh cổ tùng.
Xuân tứ vô nhai tùy xư lạc,
Nhân sinh thích ý kỷ thời phùng.
Giải lan vị vấn anh trần khách,
Ngũ đấu như hà tửu nhất chung?
(Tửu điểm xuân du)*

Tạm dịch:

Nhân hứng thung dung dạo khắp vùng.

*Gió đông dẫn lối đến Lâm Cung ⁽¹⁾
Rượu mời, liêu mới cờ xanh phát.
Khách đón, từng xưa lọng biếc giông.
Xuân tứ mệnh mông tùy chôn hưởng.
Nhân sinh mấy thuở thỏa lòng mong
Lợi danh hỏi khách khi tàn cuộc:
Năm đầu bằng chãng rượu một cung ?
(Chơi xuân quán rượu)*

Trước khi chấm dứt phần nghiên cứu về Trịnh Hoài Đức xin dẫn ra đây bài thơ đầu tiên trong tập “*Thối thực truy biên*” thay lời kết luận để chúng ta thấy thêm một khía cạnh khác của tác giả: ý súc tích, văn bóng bẩy, cô đọng: “*Liên*” vừa mô tả những tính chất của sen vừa ngụ ý trình bày sự hàm dưỡng của mình.

Nguyên văn:

蓮 :

鬥雪委梅先
擎霜留菊後
自行乎夏時
長養千年藕

Phiên âm:

¹ Tên đất thuộc tỉnh Tứ Xuyên, Đồi Hán Tư Mã Tương Như đến Lâm Cung, Trác Văn Quân trốn theo Tương Như tại đây.

*Đầu tuyết ử mai tiên,
Kính sương lưu cúc hậu.
Tự hành hô hạ thời.
Trường dưỡng thiên niên ngẫu.*

(Liên)

Tạm dịch:

*Chống tuyết giao mai trước.
Che sương để cúc sau.
Tự đi vào mùa hạ,
Mầm sen sống rất lâu.
(Sen).*

Phụ lục I

18 BÀI THƠ KHI ĐI SỨ

Tác phẩm của Trịnh Hoài Đức.

1. Vuông tròn trời đất nói khôn cùng,
Tháng bảy ngày rằm đến Quảng Đông.
Kẹo kéo lã nhăng nhai chẳng dứt,

Tơ vò rối rắm gỡ hầu xong.
Nửa năm cơm thịt đôi tên khách.
Ngàn dặm non sông một cái tròng.
Chừ gặp cố nhân bày khoản khúc,
Kéo đây thương đó, đó ngùi tròng.

2. Ngúi tròng nên phải gắng chịu lòn,
Tháng Tý ngày Dần đến Úc Môn.
Ngàn dặm ơn sâu lai láng biển,
Muôn trùng nghĩa nặng chập chồng non.
Dưới trời ai dễ không tôi chúa.
Trên đất người đều có vợ con.
Đồ sộ vật chi xem hơi đấy,
Chẳng sau chẳng trước chẳng đen mòn.

3. Đen mòn sao đặng nghĩ cùng ta.
Năm nỉ cùng nhau việc cửa nhà.
Ít sống xưa nay người bảy chục,
Nhiều lo lui tới đạo năm ba.
Trắng tròn mặt ủ mây chưa vén.
Biển mặn lòng thương nước khó pha.
Cây có diễm vàng soi tỏ dạ,
Dễ đâu chẳng biết sự nhưng là.

4. Nhưng là muốn mở nẻo chông gai.
Bao quản đường xa mấy dặm dài.
Dưới nguyệt tham vui nên rút chén.
Trong sương chịu lạnh bởi tâm mai.
Đã cam mình chịu cây vô dụng,

Chớ nệ ai chê đũa bất tài.
Nghĩ kẻ hai trăm năm có lẽ,
Xin đừng lần lựa sự nay mai.

5. Nay mai còn có việc chưa tường,
Huông đã xa xuôi mấy dặm trường.
Dường nọ phải chăng còn nhộn nhộn,
Sự này khôn dại hầy ương ương.
Chanh ranh bởi đó sao lãng lú,
Mắc mỏ vì ai khéo vắn vương.
Trình với bao nhiêu người quyến thức.
Đem lòng quân tử mặc đo lường.

6. Đo lường lại giận sự con cua.
Tưởng đến càng thêm nổi đấng chua.
Mây mịt mù che trời nhớ bạn,
Nước mênh mông chảy bể trông vua.
Đi cò nhắm đó tay không thấp.
Điểm nước lo ai cuộc chẳng thua.
Cho biết làm người thì phải vậy.
Dễ đây chẳng biết một bàn vùa.

7. Một bàn vùa sạch đám hoang hung.
Phong cảnh như vậy phi luồng trong.
Lối vịnh năm ba thuyền đỗ liễu.
Đêm non bảy tám hạc về tông:
Vật còn chút biết trời khuya sớm,
Người dễ không hay đất lạnh lòng.
Nghĩ thấy chín trùng chưa khỏe gói.

Dám đây mình chịu phạt thông dong.

8. Thông dong như vậy ít ai bì,
Mượn mõ làm vui dễ khó chi.
Thu hướng tám bài thơ Đỗ Phủ,
Đông ngâm một bức họa Vương Duy.
Cầm xoang chằm phím thương tri kỷ.
Cờ sắp thua con học chính sư.
Nguôi thế thì thôi nguôi dễ đặng.
Nguôi thì dễ đặng khó chi chi.

9. Chi chi nghe đến tám lòng xiêu,
Chập chồi tỳ bà dán hận nhiều.
Riêng trách chẳng vàng người vẽ dạng.
Tây than không bạc nịnh mua yêu,
Đất Hồ hoa ủ màn không lạt,
Trời Hán trăng tròn bóng xế theo.
Bao quản ngọc quan tình mấy dậm.
Mưa sầu gió thảm thuở Ban Siêu.

10. Ban Siêu bên núi bóng cờ giờ,
Tuyết trải năm ba hãy đợi chờ.
Lổ dạng ác vàng lòng có Hán,
Liếc xem tuyết bạc mắt không Hồ.
Chống sương một cán cờ ngay thẳng.
Trải gió năm canh dải phát phơ.
Vái hỏi xanh xanh kia biết chẳng.
Ngày nào về đặng nước nhà xưa?

11. Nước nhà xưa có phụ chi ai,
Nhấn với bao nhiêu kẻ cỗi ngoài.
Gắng sức dòi non khoan nói tướng,
Trải lòng nâng vạc mới rằng trai.
Nắng sương chưa đội trời chung một
Sông núi đừng cho đất rẽ hai.
Giúp cuộc Võ, Thang ra sức đánh.
Người coi để tiếng nhắc lâu dài.

12. Lâu dài mong trả nợ quân thân,
Bao quản đường xa gánh nặng hoằng.
Chớp lụy anh hùng khi tác biệt,
Bày lòng trung nghĩa đạo vi thần.
Con ve mới dứt hơi kêu Hạ,
Cái võ mò canh tiếng khóc Xuân.
Gió thảm mưa sâu đang đập dã,
Bút hoa mượn chếp sự khùng khăng.

13. Khùng khăng lại giận đũa lẳng nhăng.
Sấm tối mưa mai gấm chằng bằng.
Bến nước mùi hai đũa chiếc lá,
Đất bằng hai bảy đội con trắng. (2x7=14)
Thương đây lại dặn đường thương lẳng.
Nhớ đó thôi thì chớ nhớ sẵn
Mối nợ sự duyên ai có hỏi,
Xưa nay cũng một tấm lòng chằng.

14. Tấm lòng chằng phải phải phân trần,
Ít nói là người dưỡng tính chân,

Đã bện bó rom làm đũa quý,
Lại trau cục đá tượng ông thần.
Dù chưa đất phẩn tô gương mặt,
Sẵn có cây đa cây tằm thân.
Cũng muốn đem mình đi thế ấy,
Đem mình đi thế ấy bản thân.

15. Bản thân lại giận đũa xung xăng,
Quán Sở lâu Tần đã mấy trắng.
Phối phối mưa Xuân hang dễ lấp,
Chan chan nắng hạ lửa đang bùng.
Thu trao thư nhận lời no ấm
Đông gặp tin mai chuyện khó khăn.
Trời đất bốn phương non nước ấy,
Làm chi nên nổi việc lằng nhằng.

16. Lằng nhằng bữa díp sự hoang đàng.
Tiệc ngọc thuyền qua bạn đãi đàng.
Than phận lênh đênh đào thớ lợ.
Trách duyên lạc lẽ liễu xây quàng.
Con trăng nhắm bóng cây mai bạc.
Dì gió đưa duyên đóa cúc vàng
Ổn đội chúa Xuân con gặp gỡ.
Cơi trầu chén rượu dám mê man.

17. Mê man cho đến Bụt là Tiên.
Năm đầu năm hã giả dạng điên.
Vui sẵn trước hoa vài đóa cúc.
Lo chi trong đấy một đồng tiền.

Lưu Linh vợ lại khôn từ chén.
Lý Bạch vua kêu chẳng xuống thuyền.
Hầu muốn học đòi theo thế ấy.
Song lo thời thế hãy chưa yên.

***.

18. Chưa yên ta phải tính làm sao,
Cơm áo ngôi không dễ dựng nào?
Phải mượn binh sương trừ giặc cỏ.
Lại đem trận gió phát cờ lau.
Đất yên cõi Việt rừng nho rậm.
Trời giúp nhà Ngu biển thánh cao.
Mới biết tài non đền nợ nước.
Dám đâu nói chuyện ả nguồn Đào.